

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngõ Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI
cho năm tài chính 2017
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3974 5081/82 Fax: (024) 3974 5083

Hà Nội, tháng 07 năm 2018

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
Báo cáo Kiểm toán độc lập	07 - 08
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	09 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2017	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017	14 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2017.

Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Ngọc Nghị | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đào Mạnh Hùng | Phó Chủ tịch HĐQT (đã ủy quyền cho ông Ngô Văn Sơn từ ngày 09/11/2017) |
| - Ông Ngô Văn Sơn | Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Quốc Khánh | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tiến Thanh | Thành viên HĐQT (đã ủy quyền cho ông Phạm Công Đoàn từ ngày 18/10/2017) |
| - Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Anh | Thành viên HĐQT |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| - Ông Lê Quốc Khánh | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Hoán | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Hữu Quyết | Trưởng phòng Tài chính Kế toán |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|--------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Ủy viên |
| - Bà Đinh Thị Thu Huyền | Ủy viên |

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106842, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 14/06/2016. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Công ty có 10 chi nhánh trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao bì Hà Nội, địa chỉ: Số 98, ngõ 97, phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội, địa chỉ: Số 57, phường 17, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Xí nghiệp Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thủ đô, địa chỉ: Số 26B, phố Chợ Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Artex Hà Nội, địa chỉ: Số 172 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Trung tâm Kinh doanh và Đầu tư Bất động sản Hà Nội, địa chỉ: Số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Trung tâm Thương mại và Nhập khẩu Hà Nội, địa chỉ: Số 201 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Trung tâm Thương mại và Xuất khẩu Hà Nội, địa chỉ: Số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội, địa chỉ: Số 102 phố Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội, địa chỉ: Số 46 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội - Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Phú Diễn, địa chỉ: Số 26A, phố Chợ Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Môi giới bất động sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); Hoạt động của các khu giải trí (trừ hoạt động của sân nhảy);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản, bán buôn cà phê, bán buôn chè;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất giày dép (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Công ty có trụ sở tại: Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 09 đến trang 39.

4. Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính cho năm 2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017;
- Báo cáo tài chính cho năm 2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Thay mặt và đại diện

Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội



Tổng giám đốc

Lê Quốc Khánh



Số: 154/2018/BCKT/BCTC/CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017

của Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội

Kính gửi

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội, được lập ngày 10/07/2018, từ trang 09 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2017, chi phí lãi vay của Trung tâm Artex Hà Nội số tiền: 29.107.853.270 đồng, chi phí lãi vay của Trung tâm Bao bì số tiền: 4.484.577.773 đồng chưa được phân bổ mà được treo lại trên chi phí trả trước. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của khoản chi phí lãi vay chưa được phân bổ này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017;

Đối với một số công nợ lâu ngày không luân chuyển số tiền: 389.536.131.146 đồng (Phụ lục số 01), do Công ty chưa hoàn thành thủ tục bàn giao vốn giữa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ nên Công ty chưa tiến hành thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đối với số công nợ trên, vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của việc không trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa hoàn thành thủ tục bàn giao vốn giữa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 08 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội giữ 07 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2018-016-1

Kiểm toán viên

Đặng Ngọc Phần

Giấy CNDKHNKT số: 2459-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.195.216.825	201.960.605.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.602.580.669	45.925.935.564
1. Tiền	111		1.652.580.669	33.765.935.564
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.950.000.000	12.160.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.852.611.487	125.806.311.446
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2a	87.909.855.522	84.534.721.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	33.964.279.799	32.028.483.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.978.476.166	9.243.106.390
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	7.976.141.973	592.258.110
1. Hàng tồn kho	141		7.976.141.973	592.258.110
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.763.882.696	29.636.100.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	34.403.378.050	21.052.032.268
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	7.948.875.416	8.584.067.769
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.7	411.629.230	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		573.801.953.202	582.992.659.040
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		278.282.608.654	280.929.608.654
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	222.712.121.581	225.359.121.581
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	55.570.487.073	55.570.487.073
II. Tài sản cố định	220		33.971.543.882	36.682.458.683
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33.971.543.882	36.682.458.683
- Nguyên giá	222		70.960.676.331	70.960.676.331
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.989.132.449)	(34.278.217.648)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		159.600.000	159.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(159.600.000)	(159.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	196.777.930.152	201.857.189.994
- Nguyên giá	231		250.187.947.856	250.187.947.856
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(53.410.017.704)	(48.330.757.862)

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.838.080.478	50.786.978.059
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	57.838.080.478	50.786.978.059
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	5.601.526.216	11.732.176.825
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		843.961.715	843.961.715
2. Đầu tư dài hạn khác	253		4.757.564.501	10.888.215.110
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.330.263.820	1.004.246.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	1.330.263.820	1.004.246.825
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		761.997.170.027	784.953.264.197

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		545.375.810.286	580.810.041.306
I. Nợ ngắn hạn	310		349.489.158.244	358.008.388.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	14.740.784.855	19.643.412.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	156.104.517	1.649.520.413
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	32.051.159.723	39.851.442.208
4. Phải trả người lao động	314		2.049.459.102	1.970.753.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	89.827.322.227	75.356.210.414
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	11.346.323.630	4.763.911.291
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	65.333.899.696	71.182.145.744
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	132.771.126.677	143.646.175.123
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.268.161.158	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(55.183.341)	(55.183.341)
II. Nợ dài hạn	330		195.886.652.042	222.801.652.594
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	65.922.320.075	73.967.814.082
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	776.391.190	1.081.032.310
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	129.187.940.777	147.752.806.202
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.621.359.741	204.143.222.891
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	216.621.359.741	204.143.222.891
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.996.820.175	270.066.097
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.624.539.566	3.873.156.794
- LNST chưa phân phối của công ty TNHH	421a		21.787.627.637	21.787.627.637
- LNST chưa phân phối từ 04/06/2016 đến 31/12/2016	421b		(17.914.470.843)	(17.914.470.843)
- LNST chưa phân phối năm 2017			1.751.382.772	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		761.997.170.027	784.953.264.197

Người lập biểu



TP. Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc




Nguyễn Hữu Quyết

Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	90.029.294.362	44.443.378.371
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	113.850.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	89.915.444.362	44.443.378.371
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	51.300.802.673	22.471.661.043
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.614.641.689	21.971.717.328
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	12.354.138.759	729.077.681
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	7.374.598.297	14.782.902.709
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.129.251.208	14.688.285.758
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	6.418.103.752	1.008.672.020
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	35.386.893.431	22.311.300.663
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.789.184.968	(15.402.080.383)
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	365.953.718	41.171.958
12.	Chi phí khác	32	VI.10	165.526.009	2.319.826.838
13.	Lợi nhuận khác	40		200.427.709	(2.278.654.880)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.989.612.677	(17.680.735.263)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.989.612.677	(17.680.735.263)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	99	
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11		(884)

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quyết

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	87.606.477.822	43.714.150.560
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(76.774.338.952)	(21.881.193.876)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(10.019.684.265)	(5.273.765.943)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.326.497.714)	(432.202.557)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(8.627.327.156)	(5.221.671.893)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	67.941.733.427	31.261.465.033
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(81.471.381.566)	(32.722.755.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.671.018.404)	9.444.025.720
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.401.886.140)	(820.573.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.130.650.609	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.612.674.609	648.804.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.341.439.078	(171.769.177)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	38.518.372.671	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.512.557.381)	(26.531.535.285)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.994.184.710)	(26.531.535.285)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(41.323.764.036)	(17.259.278.742)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.925.935.564	63.181.737.668
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	409.141	3.476.638
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.602.580.669	45.925.935.564

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quyết

Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106842, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 14/06/2016. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).**

Công ty có trụ sở tại: Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cho thuê bất động sản, xuất khẩu hàng nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Môi giới bất động sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); Hoạt động của các khu giải trí (trừ hoạt động của sân nhảy);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản, bán buôn cà phê, bán buôn chè;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
 - May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
 - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
 - Sản xuất giày dép (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- 1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

- 2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn đầu tư gốc không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ phải thu được chuyển đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại, công nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại; Các chênh lệch tỷ giá phát sinh/ đánh giá lại đều được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- 6.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền).
- 6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- 6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**7.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- 7.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 48 năm
Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước ngắn hạn: các khoản chi phí trả trước ngắn hạn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, được phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 12 tháng.

- Chi phí trả trước dài hạn: các khoản chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, được phân bổ đều và kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian phân bổ trên 12 tháng,
- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 12.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 12.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- 14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.
- 14.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
15. **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**
- Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
16. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**
- Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
17. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**
- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
18. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
19. **Các bên liên quan**
- Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	665.751.879	755.548.201
Tiền gửi Ngân hàng	986.828.790	33.010.387.363
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	2.950.000.000	12.160.000.000
Cộng	4.602.580.669	45.925.935.564
2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	87.909.855.522	84.534.721.472
Văn phòng Công ty	6.229.093.053	1.921.211.364
Artex Hà Nội	53.600.000	47.125.011
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	16.390.514.787	16.618.537.895
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	21.439.235.295	21.681.068.078
Trung tâm KD và ĐT Bất động sản Hà Nội	342.000.000	467.500.000
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	11.368.135.298	11.368.135.298
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	1.130.678.505	1.451.665.479
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	15.548.253.075	15.548.253.075
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT H	243.501.613	290.381.376
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	15.164.843.896	15.140.843.896
b. Dài hạn	222.712.121.581	225.359.121.581
Artex Hà Nội	222.712.121.581	225.359.121.581
Cộng	310.621.977.103	309.893.843.053
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	5.133.989.500	250.475.300
Artex Hà Nội	4.145.157.930	3.664.109.140
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	2.595.753.131	6.014.519.906
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	20.000.000	20.000.000
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	14.945.398	14.945.398
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	1.194.239.435	1.204.239.435
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	20.860.194.405	20.860.194.405
Cộng	33.964.279.799	32.028.483.584

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

4. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Văn phòng Công ty	10.978.476.166	-	9.243.106.390	-
Văn phòng Công ty	2.605.460.275	-	767.310.220	-
Artex Hà Nội	526.617.008	-	523.072.264	-
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	2.752.902.463	-	2.792.759.118	-
Trung tâm KD và ĐT Bất động sản Hà Nội	3.408.043	-	3.408.043	-
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	171.904	-	14.435.573	-
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	1.253.133.534	-	1.253.133.534	-
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	20.851.215	-	17.970.335	-
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	3.159.998.055	-	3.218.571.055	-
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	1.131.465	-	89.591.241	-
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	654.802.204	-	562.855.007	-
b. Văn phòng Công ty	55.570.487.073	-	55.570.487.073	-
Artex Hà Nội	55.570.487.073	-	55.570.487.073	-
Cộng	66.548.963.239	-	64.813.593.463	-
5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	342.734.004	-	202.834.004	-
Hàng hoá	7.633.407.969	-	389.424.106	-
Cộng	7.976.141.973	-	592.258.110	-

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Văn phòng Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và bị giảm giá nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

6. Thuế GTGT được khấu trừ		Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ		7.948.875.416	8.584.067.769
Cộng		7.948.875.416	8.584.067.769

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	-	3.892.497.816	4.062.520.746	170.022.930
Thuế nhập khẩu	-	3.301.488.096	3.456.054.396	154.566.300
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	874.755.000	961.795.000	87.040.000
Cộng	-	8.068.740.912	8.480.370.142	411.629.230

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngõ Quỳnh, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.765.063.713</i>	<i>2.175.565.544</i>	<i>7.338.373.438</i>	<i>681.673.636</i>	<i>70.960.676.331</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.765.063.713</i>	<i>2.175.565.544</i>	<i>7.338.373.438</i>	<i>681.673.636</i>	<i>70.960.676.331</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.972.656.886</i>	<i>1.485.956.787</i>	<i>5.250.797.603</i>	<i>568.806.372</i>	<i>34.278.217.648</i>
- Khấu hao trong năm	1.738.664.016	183.383.448	731.914.022	56.953.315	2.710.914.801
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>28.711.320.902</i>	<i>1.669.340.235</i>	<i>5.982.711.625</i>	<i>625.759.687</i>	<i>36.989.132.449</i>
Giá trị còn lại					
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>33.792.406.827</i>	<i>689.608.757</i>	<i>2.087.575.835</i>	<i>112.867.264</i>	<i>36.682.458.683</i>
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>32.053.742.811</i>	<i>506.225.309</i>	<i>1.355.661.813</i>	<i>55.913.949</i>	<i>33.971.543.882</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>159.600.000</i>	<i>159.600.000</i>
- Tăng trong năm		-
- Giảm trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>159.600.000</i>	<i>159.600.000</i>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>159.600.000</i>	<i>159.600.000</i>
- Khấu hao trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>159.600.000</i>	<i>159.600.000</i>
Giá trị còn lại		
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	-	-
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	-	-

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	250.187.947.856	250.187.947.856
- Tăng trong năm		-
- Giảm trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	250.187.947.856	250.187.947.856
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.330.757.862	48.330.757.862
- Khấu hao trong năm	5.079.259.842	5.079.259.842
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	53.410.017.704	53.410.017.704
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	201.857.189.994	201.857.189.994
- Tại ngày cuối năm	196.777.930.152	196.777.930.152

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án tòa nhà 41 Ngô Quyền	57.838.080.478	57.838.080.478	50.786.978.059	50.786.978.059
Cộng	57.838.080.478	57.838.080.478	50.786.978.059	50.786.978.059

12. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	843.961.715	-	843.961.715	-
Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro	843.961.715	-	843.961.715	-
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	4.757.564.501	-	10.888.215.110	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại An Việt	-	-	6.130.650.609	-
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam tại Hà Nội	4.757.564.501	-	4.757.564.501	-
Cộng	5.601.526.216	-	11.732.176.825	-

13. Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>a. Ngắn hạn</i>	34.403.378.050		21.052.032.268	
Artex Hà Nội	29.909.425.278		19.019.346.685	
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	4.484.577.773		2.009.026.852	
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	-		23.658.731	
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	9.374.999			
<i>a. Dài hạn</i>	1.330.263.820		1.004.246.825	
Văn phòng Công ty	760.486.024		224.427.688	
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	197.117.799		332.776.320	
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	27.337.426		61.154.296	
Trung tâm KD và ĐT Bất động sản Hà Nội	7.113.533		12.105.485	
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	-		7.631.512	
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	19.439.645		33.188.705	

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngõ Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	227.377.472	267.837.596
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	1.706.172	11.975.095
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	2.668.988	8.006.996
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	87.016.761	45.143.132
Cộng	35.733.641.870	22.056.279.093

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Văn phòng Công ty	1.407.336.273	1.407.336.273	5.386.202.395	5.386.202.395
Artex Hà Nội	2.184.245.783	2.184.245.783	2.228.000.751	2.228.000.751
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	1.353.753.717	1.353.753.717	1.669.353.125	1.669.353.125
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	23.062.846	23.062.846	23.062.846	23.062.846
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	-	-	564.187.553	564.187.553
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	8.285.714	8.285.714	8.285.714	8.285.714
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	153.890.000	153.890.000	-	-
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	409.574.997	409.574.997	409.574.997	409.574.997
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	-	-	154.110.000	154.110.000
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	9.200.635.525	9.200.635.525	9.200.635.525	9.200.635.525
Cộng	14.740.784.855	14.740.784.855	19.643.412.906	19.643.412.906

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Artex Hà Nội	4.471.740	338.374
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	9.398.628	1.479.796.873
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	14.144.001	168.500.167
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	128.090.148	884.999
Cộng	156.104.517	1.649.520.413

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	267.077.759	5.627.848.538	5.826.396.935	68.529.362
Thuế xuất, nhập khẩu	19.675.207	3.301.488.096	3.301.488.096	19.675.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.893.809.341	-	8.627.327.156	4.266.482.185
Thuế thu nhập cá nhân	95.433.198	97.181.247	36.051.627	156.562.818
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.493.526.883	12.636.788.402	11.342.764.046	15.787.551.239
Các loại thuế khác	10.351.055.415	148.296.102	237.905.950	10.261.445.567
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.730.864.405	118.251.881	358.202.941	1.490.913.345
Cộng	39.851.442.208	21.929.854.266	29.730.136.751	32.051.159.723

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Văn phòng Công ty	18.154.363.929	14.963.159.460
Artex Hà Nội	59.350.501.070	50.390.469.595
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	2.100.000	2.200.000
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	11.742.734.063	9.269.305.768
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	499.116.959	481.760.439
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	51.760.000	50.260.000
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	3.320.000	177.581.459
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	12.626.206	12.273.693
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	10.800.000	9.200.000
Cộng	89.827.322.227	75.356.210.414

18. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Văn phòng Công ty	11.346.323.630	4.763.911.291
Artex Hà Nội	8.763.769.505	425.026.547
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	1.522.927.692	2.828.187.400
	979.020.980	979.020.980

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	-	440.000.000
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	80.605.453	91.676.364
b. Dài hạn	65.922.320.075	73.967.814.082
Artex Hà Nội	47.418.823.588	54.485.296.611
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	18.503.496.487	19.482.517.471
Cộng	77.268.643.705	78.731.725.373

19. Phải trả khác

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Ngắn hạn	65.333.899.696	125.459.402.981	71.182.145.744	71.182.145.744
Văn phòng Công ty	19.669.769.135	19.669.769.135	26.050.731.174	26.050.731.174
<i>Phải trả cổ phần hóa</i>	<i>11.805.533.127</i>	<i>11.805.533.127</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Du lịch Âu Việt</i>	<i>4.455.000.000</i>	<i>4.455.000.000</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Volkslift Việt Nam</i>	<i>1.020.000.000</i>	<i>1.020.000.000</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>2.389.236.008</i>	<i>2.389.236.008</i>	<i>26.050.731.174</i>	<i>26.050.731.174</i>
Artex Hà Nội	3.466.682.786	3.466.682.786	2.412.706.495	2.412.706.495
Trung tâm TM và XNK Tổng hợp Hà Nội	40.455.734.150	40.455.734.150	41.142.488.010	41.142.488.010
<i>Công ty CP XNK Việt Trang (Hợp tác ĐT khu TM)</i>	<i>37.127.337.570</i>	<i>37.127.337.570</i>	<i>37.731.925.819</i>	<i>37.731.925.819</i>
<i>NH No và PTNT Nam Hà Nội</i>	<i>1.376.583.890</i>	<i>1.376.583.890</i>	<i>1.132.314.446</i>	<i>1.132.314.446</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>1.951.812.690</i>	<i>1.951.812.690</i>	<i>2.278.247.745</i>	<i>2.278.247.745</i>
Trung tâm TM và SX Bao bì Hà Nội	169.321.653	169.321.653	121.000.000	121.000.000
Trung tâm KD và ĐT Bất động sản Hà Nội	285.501.440	285.501.440	328.093.440	328.093.440
Trung tâm TM và Xuất khẩu Hà Nội	21.298.915	21.298.915	48.035.889	48.035.889
Trung tâm TM và Nhập khẩu Hà Nội	222.403.423	222.403.423	222.403.423	222.403.423
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	964.359.034	964.359.034	801.953.113	801.953.113
Xí nghiệp SX và XNK Thủ đô	1.914.000	1.914.000	2.007.840	2.007.840
Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp XNK và ĐT Hà Nội	53.904.200	53.904.200	51.246.480	51.246.480

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	23.010.960	23.010.960	1.479.880	1.479.880
b. Dài hạn	776.391.190	776.391.190	1.081.032.310	1.081.032.310
Artex Hà Nội	460.041.190	460.041.190	764.682.310	764.682.310
Xí nghiệp SX và TM Phú Diễn	316.350.000	316.350.000	316.350.000	316.350.000
Cộng	66.110.290.886	126.235.794.171	72.263.178.054	72.263.178.054

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

20.	Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	132.771.126.677	132.771.126.677	38.518.372.671	49.393.421.117	143.646.175.123	143.646.175.123
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Nội	-	-	29.332.360.088	29.332.360.088	-	-
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.293.200.000	2.293.200.000	9.186.012.583	6.892.812.583	-	-
	Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (Hapro)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	Vay ngắn hạn cá nhân	9.122.908.695	9.122.908.695	-	2.307.091.305	11.430.000.000	11.430.000.000
	Artex Hà Nội	99.457.998.996	99.457.998.996	-	8.397.457.141	107.855.456.137	107.855.456.137
	Trung tâm Bao bì	18.840.823.109	18.840.823.109	-	70.000.000	18.910.823.109	18.910.823.109
	Trung tâm Genexim	1.960.000.000	1.960.000.000	-	590.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
	Trung tâm Xuất khẩu	76.195.877	76.195.877	-	1.803.700.000	1.879.895.877	1.879.895.877
	Trung tâm Nhập khẩu	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000
b.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	129.187.940.777	129.187.940.777	543.044.400	19.107.909.825	147.752.806.202	147.752.806.202
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Nội	57.615.613.110	57.615.613.110	543.044.400	12.107.909.825	69.180.478.535	69.180.478.535
	Ngân hàng TMCP Quốc dân	53.000.000.000	53.000.000.000	-	7.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
	Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	18.572.327.667	18.572.327.667	-	-	18.572.327.667	18.572.327.667
	Cộng	261.959.067.454	261.959.067.454	39.061.417.071	68.501.330.942	291.398.981.325	291.398.981.325

Chi tiết các khoản vay: (Thuyết minh VII.1.4: Tài sản đảm bảo).

Tài sản đảm bảo các khoản vay xem Thuyết minh số VII.1.4

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	59.582.293.980	-	80.012.486.535	32.675.285.584	-	21.787.627.637	194.057.693.736
- Tăng vốn trong năm trước	140.417.706.020	-	-	-	-	-	140.417.706.020
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	270.066.097	-	-	-	-	270.066.097
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(17.680.735.263)	(17.680.735.263)
- Giảm khác	-	-	(80.012.486.535)	(32.675.285.584)	-	(233.735.580)	(112.921.507.699)
							-
2. Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	270.066.097	-	-	-	3.873.156.794	204.143.222.891
3. Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	270.066.097	-	-	-	3.873.156.794	204.143.222.891
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.989.612.677	1.989.612.677
- Tăng khác	-	10.726.754.078	-	-	-	136.202.830	10.862.956.908
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(374.432.735)	(374.432.735)
	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	200.000.000.000	10.996.820.175	-	-	-	5.624.539.566	216.621.359.741

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	20,15%	40.297.000.000	40.297.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	50,00%	100.000.000.000	100.000.000.000
Đào Thu Hòa	27,97%	55.930.000.000	55.930.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,89%	3.773.000.000	3.773.000.000
Cộng		200.000.000.000	200.000.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	48.436.300.465	44.443.378.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.592.993.897	-
Cộng	90.029.294.362	44.443.378.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	113.850.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	113.850.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	48.322.450.465	44.443.378.371
Doanh thu bán hàng hóa	41.592.993.897	-
Cộng	89.915.444.362	44.443.378.371

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	45.349.419.124	22.471.661.043
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.951.383.549	-
Cộng	51.300.802.673	22.471.661.043
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	709.790.801	649.149.856
Chênh lệch tỷ giá	19.336.124	79.927.825
Cổ tức lợi nhuận được chia	409.102.443	-
Lãi từ bán cổ phần	11.215.909.391	-
Cộng	12.354.138.759	729.077.681
6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.129.251.208	14.688.285.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	245.347.089	94.616.951
Cộng	7.374.598.297	14.782.902.709
7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.406.079.713	13.353.504
Chi phí vật liệu, bao bì	-	385.977.690
Chi phí khấu hao TSCĐ	842.711.425	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.051.566.468	609.340.826
Chi phí bằng tiền khác	117.746.146	-
Cộng	6.418.103.752	1.008.672.020
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.643.946.157	6.002.932.326
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	144.498.151
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.818.676.743	2.936.517.889
Thuế, phí và lệ phí	8.390.468.952	2.406.166.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.984.517.236	10.647.451.257
Chi phí bằng tiền khác	549.284.343	173.734.521
Cộng	35.386.893.431	22.311.300.663
9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu các khoản nợ để xóa sổ	15.000.000	-
Thu nhập khác	350.953.718	41.171.958
Cộng	365.953.718	41.171.958
10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp	127.990.222	2.319.826.838
Chi phí khác	37.535.787	-
Cộng	165.526.009	2.319.826.838

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.989.612.677	(17.680.735.263)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.989.612.677	(17.680.735.263)
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Số cổ phiếu phát hành thêm trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	99	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		(884)

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn Cổ phần.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	4.602.580.669	4.602.580.669
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	132.852.611.487	132.852.611.487

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 31/12/2017
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	261.959.067.454
Phải trả người bán	14.740.784.855

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	14.740.784.855	-	14.740.784.855
Vay và nợ ngắn hạn	132.771.126.677	-	132.771.126.677
Vay và nợ dài hạn	-	129.187.940.777	129.187.940.777

1.4 Tài sản đảm bảo

- Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Chi nhánh Hà Nội: số tiền vay là: 36.000.000.000 đồng; sử dụng vào việc đầu tư xây dựng tòa nhà Unimex tại địa chỉ số 41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo quyết định phê duyệt dự án số 275/QĐCT-VP ngày 28/12/2010 của Công ty TNHH NN MTV XNK và ĐT Hà Nội. Thời hạn vay là 96 tháng với lãi suất 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành gắn liền với đất thuê tại địa chỉ 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ADD 493907 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/10/2006, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 211113/HN-UNIMEX ngày 27/11/2013.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội: số tiền vay là 70.000.000.000 đồng; mục đích vay tái tài trợ đầu tư xây dựng công trình: "Tổ hợp công trình văn phòng làm việc, kinh doanh, thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp để bán" tại địa chỉ số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội. Thời hạn vay là 84 tháng với lãi suất 13,4%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 029/13/HĐTC-BĐS/104-11 ngày 05/12/2013.
- Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Chi nhánh Hà Nội: số tiền vay là: 17.202.428.239 đồng và 972,703.90 USD; sử dụng vào việc cơ cấu thời hạn trả nợ cho các đơn vị trực thuộc theo các nguồn thu. Thời hạn vay là 60 tháng với lãi suất VNĐ 11%/năm, USD 5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền khai thác tài sản gắn liền với đất thuê 201 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội, giá trị cổ phần của Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần sự kiện ẩm thực Hapro thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nhà nước MTV XNK và ĐT Hà Nội.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm nay
Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Giám đốc thực nhận	1.545.503.000
Trong đó:	
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	828.000.000
+ Lương Ban giám đốc	717.503.000

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	75,30%	74,27%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	24,70%	25,73%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	71,57%	73,99%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	28,43%	26,01%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,40	1,35
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,54	0,56
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,52	0,56
3. Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,21%	-39,78%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2,21%	-39,78%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0,26%	-2,25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,26%	-2,25%

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quyết

Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

TT	Tài khoản	Tên khách	Số dư	
			Đầu kỳ (01/01/2017)	Cuối kỳ (31/12/2017)
1	131	Công ty CP Phát triển Thương mại Quốc Tế Thái Bình	2.269.509.187	2.269.509.187
2	131	Công ty CP Phát triển TM Quốc Tế Thái Bình Dương MST 0102027233	7.512.292.710	7.512.292.710
3	131	Công ty CP TM Du lịch và Đầu tư phát triển MST 0101312083	28.814.161.714	26.514.161.714
4	131	Công ty Cổ phần TM - DV - SX An Ninh MST:0100668025	103.343.368.960	103.281.368.960
5	131	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hà Nội Vàng	1.272.115.001	1.272.115.001
6	131	Công ty TNHH An Như Sơn MST 0302865497	1.609.673.645	1.609.673.645
7	131	Công ty TNHH Kim Nam	9.370.121.768	9.270.121.768
8	131	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại dịch vụ sản xuất Long Vân	2.996.741.944	2.996.741.944
9	131	Công ty TNHH Sản xuất và Cơ khí Tiến Đạt	2.000.000.000	2.000.000.000
10	131	Công ty TNHH Sản xuất Xốp nhựa và nhựa Thái Hà	887.256.940	852.256.940
11	131	Công ty TNHH Thương mại Đắc Nguyên MST 0300969902	61.743.703.212	61.743.703.212
12	131	Công ty TNHH Thịnh Phát	7.724.241.900	7.574.241.900
13	131	Xí nghiệp DVSC Bảo hành SAMSUNG	3.328.227.310	3.328.227.310
14	131	Công ty CP Năng Lượng Đất Việt Cùng Công ty Cổ Phần Linh Gas Việt Nam + Công ty CP thén Việt Thanh	6.672.798.940	6.672.798.940
15	131	Công ty Cổ Phần Linh Gas Việt Nam	6.985.964.522	6.985.964.522
16	131	Xí nghiệp giấy Hợp Tiến	268.179.123	268.179.123
17	131	Cụng ty CP thép Việt Thanh MSDN: 2500221272	14.587.724.873	14.587.724.873
18	131	CTy CP Kim Loại Mẫu Bắc Hà MSDN: 0102424462	5.678.094.508	5.678.094.508
19	131	CTY TNHH XNK Mỹ Nghệ Kiên Cường	7.778.843.137	7.778.843.137
20	Dư nợ 331	CTY TNHH XNK Mỹ nghệ Kiên Cường	20.748.344.530	20.748.344.530
21	131	Công ty LD Kỹ Nghệ Gỗ Hàn Việt	716.897	716.897
22	131	Công ty TNHH Hoàng Đông	325.564.520	325.564.520
23	131	Công ty TNHH Ngọc Dũng	73.877.440	73.877.440
24	131	Công ty TNHH R.N.E.T	3.693.600	3.693.600
25	131	Công ty TNHH Tm - DV Phan Lê	421.740.165	421.740.165
26	131	Cơ sở Tám Anh	66.353.302	66.353.302
27	131	Cửa hàng phụ tùng Ôtô Tâm Thủy	234.167.181	234.167.181
28	131	DNTN Thơ Phụng	75.042.301	75.042.301
29	131	HTX Vận Tải Số 9	161.298.675	161.298.675
30	131	Hà Quốc Hùng	4.427.132	4.427.132

31	131	Phạm Đình Cường	59.757.132	59.757.132
32	131	XN KD VT & TB Phụ Tùng số 7	61.142.906	61.142.906
33	131	Đoàn Thị Hiền	120.000.000	120.000.000
34	131	Công ty TNHH MTV ĐT và PTNN Hà Nội (HADICO)	306.108.613	306.108.613
35	131	Tôn Thất Tài	76.125.000	76.125.000
36	131	Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn MST: 0104400796	4.033.759.615	4.033.759.615
37	131	Công ty cổ phần An Ty MSDN: 0103125642	1.776.862.587	1.776.862.587
38	131	Công ty TNHH Đầu tư - Sản xuất An Phú MST 0101190290	5.557.513.096	5.557.513.096
39	131	Cty TNHH Lam Giang MST: 0101027495	51.365.275	51.365.275
40	131	Cty TNHH TM Kim Ninh Bằng Tường Quảng Tây TQ	236.369.220	236.369.220
41	131	Công ty CP Phú Tường GSF MST/MSDN: 0103682192	9.164.166.347	9.164.166.347
42	131	Công ty Cổ phần Thép Thuận Phát MSDN:0101269744	5.579.162.433	5.579.162.433
43	131	Công ty TNHH Lam Giang	517.189.800	517.189.800
44	1388	Bùi Tuấn Long	986.198.860	986.198.860
45	1388	Công ty CP TM Du lịch và Đầu tư phát triển	7.417.108.855	7.417.108.855
46	1388	Lê Quang Tiến	210.367.649	210.367.649
47	1388	Công ty TNHH Minh Quang	1.172.890.397	1.172.890.397
48	1388	Hàng Sắt lát	23.406.000.000	23.406.000.000
49	1388	Ngô Thành Nam	1.823.750.000	1.823.750.000
50	1388	Trần Thị Lan Hương	19.345.200.000	19.345.200.000
51	1388	Trần Thị Lan Hương	2.445.109.418	2.445.109.418
52	1388	Trần Thị Lan Hương - Cao Su	2.957.068.800	2.957.068.800
53	141	Trần Thị Lan Hương	347.263.600	347.263.600
54	Dư nợ 331	Cộng ty CP Đầu tư thương mại quốc tế Đông Dương	1.345.034.140	1.345.034.140
55	Nợ 331	Công ty Cổ phần đầu tư INVESTCOM	319.436.667	311.875.000
56	Dư nợ 331	Cộng ty TNHH Mai Oanh	1.500.000.000	1.500.000.000
57	Dư nợ 331	Công ty TNHH Thiện Ân	1.179.239.435	1.174.239.435
58	131	Cty TNHH kim khí Thái Bình Dương	463.696.164	423.696.164
		Tổng cộng	389.416.131.146	386.716.569.479